

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 28-TC/ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1991

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ 28/TC-ĐT NGÀY 10/5/1991 QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ KHI CÔNG TRÌNH XDCB HOÀN THÀNH

Căn cứ vào Điều 41 về quyết toán vốn đầu tư XDCB khi công trình kết thúc xây dựng trong điều lệ quản lý XDCB ban hành theo Nghị định số 385/HĐBT ngày 7/11/1990 của Hội đồng Bộ trưởng; Bộ Tài chính quy định cụ thể chế độ quyết toán vốn đầu tư khi công trình XDCB hoàn thành như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Xác định đầy đủ và chính xác tổng mức vốn đã đầu tư xây dựng công trình, vốn đầu tư chuyển thành TSCĐ, tài sản lưu động hoặc chi phí không thành tài sản của công trình. Trên cơ sở đó xác định trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ quản đầu tư trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB.
- Qua quyết toán vốn đầu tư XDCB xác định số lượng, chất lượng năng lực sản xuất, giá trị TSCĐ mới tăng do đầu tư mang lại để có kế hoạch huy động, sử dụng kịp thời và phát huy hiệu quả của công trình XDCB đã hoàn thành.
- Đánh giá kết quả quá trình đầu tư XDCB rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư phù hợp với tình hình hiện nay.

II. PHẠM VI - ĐỐI TƯỢNG

1. Tất cả các công trình đầu tư XDCB thuộc khu vực Nhà nước, không phân biệt quy mô, hình thức xây dựng, nguồn vốn đầu tư và cấp quản lý khi hoàn thành đưa vào sản xuất, sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán toàn bộ vốn đầu tư của công trình hoàn thành với cơ quan chủ quản đầu tư và cơ quan cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư XDCB cho công trình.

- Công trình đầu tư thuộc các Bộ Trung ương quản lý thì chủ đầu tư phải quyết toán với bộ chủ quản, Bộ Tài chính, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam.
 - Công trình đầu tư thuộc địa phương quản lý thì chủ đầu tư phải quyết toán với UBND tỉnh, thành phố (hoặc sở chủ quản nếu được UBND uỷ nhiệm) Sở Tài chính, Ngân hàng đầu tư và phát triển địa phương.
2. Nếu công trình được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn thì chủ đầu tư phải tổng quyết toán toàn bộ công trình, trong đó quyết toán riêng theo cơ cấu từng nguồn vốn đã được sử dụng đầu tư xây dựng từ khi bắt đầu công tác chuẩn bị đầu tư khởi công xây dựng hoàn thành công trình đưa vào sản xuất sử dụng.
3. Việc quyết toán được thực hiện đối với toàn bộ công trình XD CB khi hoàn thành đưa vào sản xuất - sử dụng theo qui định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc theo báo cáo kinh tế kỹ thuật trong quá trình xây dựng công trình, trường hợp từng hạng mục công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì chủ đầu tư phải xác định đầy đủ vốn đầu tư XD CB (kể cả các khoản phải phân bổ có thể tính được) tài sản mới tăng của hạng mục công trình đó, chủ đầu tư phải báo cáo với cơ quan chủ quản đầu tư, cơ quan cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư để làm căn cứ thanh toán bàn giao, hạch toán và quản lý sử dụng của đơn vị nhận tài sản. Sau khi công trình hoàn thành, chủ đầu tư phải quyết toán toàn bộ công trình (kể cả những hạng mục công trình đã hoàn thành huy động vào sử dụng) theo qui định nêu trên.

III. NỘI DUNG QUYẾT TOÁN

1. Xác định tổng số vốn thực tế đã đầu tư cho công trình, bao gồm chi phí cho việc chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng và xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị, các khoản chi phí kiến thiết cơ bản khác cho công trình chính, công trình phụ hoặc công trình có liên quan được qui định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật.
2. Xác định các khoản chi phí thiệt hại không tính vào giá công trình (nếu có) bao gồm :
- Thiệt hại do thiên tai địch hoạ;
 - Thiệt hại về các chi phí và giá trị các khối lượng phải huỷ bỏ theo Quyết định của Nhà nước.
3. Xác định tổng vốn đầu tư thực tế tính vào công trình đầu tư:

Tổng số vốn đầu		Tổng số vốn		Các khoản chi phí thiệt hại
tư tính vào	=	thực tế	-	được NN cho phép không
công trình		đầu tư xây dựng		tính vào giá trị công trình
		công trình		

4. Xác định giá trị và phân loại tài sản cố định, tài sản lưu động do đầu tư mang lại.

Vốn đầu tư được coi thành TSCĐ theo quy định Nhà nước bao bao gồm :

- Chi phí chuẩn bị đầu tư;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí lắp đặt máy móc thiết bị;
- Giá trị máy móc thiết bị;
- Chi phí kiến thiết cơ bản khác.

Tổng cộng giá trị của tất cả TSCĐ thuộc đối tượng nêu trên là giá trị TSCĐ của toàn bộ công trình.

Việc phân bổ vốn chi phí chuẩn bị đầu tư và chi phí kiến thiết cơ bản khác cho từng TSCĐ được thực hiện theo nguyên tắc: Các chi phí liên quan trực tiếp đến TSCĐ nào thì tính trực tiếp cho TSCĐ đó; các chi phí chung liên quan đến nhiều TSCĐ của công trình thì phân bổ theo tỷ lệ vốn của TSCĐ đó chiếm trong tổng số vốn đầu tư của công trình (phục lục kèm theo).

5. Xác định đầy đủ giá trị TSCĐ và tài sản lưu động của công trình TSCĐ đã chuyển giao cho đơn vị khác quản lý sử dụng, để hạch toán giảm vốn đầu tư cho công trình chính và tăng vốn cho đơn vị sử dụng.

6. Do tình hình biến động giá cả, khi kết thúc xây dựng đưa công trình vào sản xuất, sử dụng; việc quyết toán công trình được phản ánh theo 2 giá:

- Giá thực tế của vốn đầu tư XD CB đã sử dụng hàng năm;
- Giá quy đổi về thời điểm bàn giao đưa công trình vào sản xuất - sử dụng (việc quy đổi giá theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng).

7. Tổ chức phân tích, đánh giá tình hình, quản lý, sử dụng vốn đầu tư XD CB từ công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng, xây dựng, lắp đặt... đến khi hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả theo luận chứng kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

IV. HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

A. HỒ SƠ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TOÀN BỘ CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ GỒM:

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình XD CB hoàn thành (mẫu 01-QT-Phụ lục) trình bày tổng hợp tình hình và kết quả đầu tư xây dựng công trình cũng như tồn tại và kiến nghị cần giải quyết của chủ đầu tư.
2. Thực hiện đầu tư qua các năm (mẫu 02-QT-Phụ lục) phản ánh tiến độ đầu tư trong từng năm từ khi chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành công trình đưa vào sản xuất - sử dụng.
3. Thực hiện đầu tư theo hạng mục công trình (mẫu 03-QT-Phụ lục) phản ánh tình hình thực hiện đầu tư theo từng hạng mục công trình, theo thành phần vốn đầu tư và tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán công trình.
4. Số lượng và giá trị TSCĐ mới tăng (mẫu 04-QT-Phụ lục) phản ánh số lượng, giá trị từng đối tượng TSCĐ mới tăng phân theo nguồn vốn đầu tư, theo công trình thuộc chủ đầu tư quản lý và công trình bàn giao cho đơn vị khác quản lý, làm căn cứ bàn giao cho người sử dụng.
5. Số lượng và giá trị tài sản lưu động bàn giao (mẫu 05-QT-Phụ lục) phản ánh số lượng, giá trị từng loại nguyên vật liệu, nhiên liệu phụ tùng, công cụ lao động không đủ tiêu chuẩn TSCĐ và các chi phí khác bàn giao cho người sử dụng.
6. Tình hình công nợ (06-QT-Phụ lục) phản ánh các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa giải quyết xong đến thời điểm tổng quyết toán.
7. Bảng tổng kết tài sản kèm theo các biên bản kiểm kê xử lý tài sản, công nợ.

Trường hợp ban quản lý công trình phụ trách nhiều công trình thì ngoài bảng tổng kết tài sản còn kèm bảng cân đối vốn, nguồn vốn cho từng công trình quyết toán.

8. Bản xác nhận của Ngân hàng về số vốn đầu tư đã cấp phát hoặc cho vay đầu tư đến ngày quyết toán.

Hồ sơ báo cáo quyết toán hạng mục công trình hoàn thành đưa vào sử dụng (trong khi toàn bộ công trình chưa hoàn thành) chỉ gồm báo cáo quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình hoàn thành đưa vào sản xuất - sử dụng (mẫu 07-QT-Phụ lục) phản ánh các chỉ tiêu chủ yếu về đầu tư hạng mục công trình và giải thích, đánh giá những nét lớn về tình hình và kết quả đầu tư hạng mục công trình đó.

- Hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư toàn bộ công trình hoàn thành, hoặc báo cáo quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình đều phải có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng (thủ trưởng đơn vị chủ đầu tư) giám đốc ban hành quản lý công trình đối với công trình được thành lập ban quản lý công trình.

B. HỒ SƠ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ ĐƯỢC GỬI ĐẾN CÁC CƠ QUAN:

1. Công trình do Trung ương quản lý:

- Bộ, tổng cục chủ quản;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng đầu tư và phát triển địa phương trực tiếp cấp phát hoặc cho vay vốn.

Đối với công trình quan trọng thuộc HĐBT xét duyệt thì báo cáo quyết toán phải đồng gửi cho Bộ Xây dựng, Ủy ban KHNN, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam và Tổng cục thống kê.

2. Công trình do địa phương quản lý:

- UBND địa phương hoặc sở chủ quản được uỷ nhiệm;
- Sở Tài chính;
- Ngân hàng đầu tư và phát triển địa phương;

Đối với công trình quan trọng của địa phương thì báo cáo quyết toán đồng gửi Sở Xây dựng, UBND địa phương và Chi cục thống kê.